TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM THỦY** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 07/2025/QĐST-DS	*Cẩm Thủy, ngày 05 tháng 03 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm b khoản 1, khoản 3 điều 24; khoản 7 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 01 năm 2025, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 77/2024/TLST-DS, ngày 11 tháng 12 năm 2024, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** **Ngân hàng TMCP V**; địa chỉ: số H L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Tống Thị L – chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: tầng C, trung tâm thương mại T3, số B Đại lộ L, phường L, thành phố T.

Tổ chức kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP V: **Công ty Cổ phần M**; địa chỉ: Tầng A Tòa nhà V, số I D, phường D, Quận C, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế T1 – chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: tầng C, trung tâm thương mại T3, số B Đại lộ L, phường L, thành phố T (văn bản ủy quyền số 1823/2024/UQ-MARS ngày 15/10/2024).

- Bị đơn: Bà Lê Thị Thùy D1, sinh năm 1990 và ông Nguyễn Đình T2, sinh năm 1988; địa chỉ: TDP Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số tiền nợ và nghĩa vụ trả nợ:

Ngân hàng TMCP V; Công ty cổ phần M và bà Lê Thị Thùy D1, ông Nguyễn Đình T2 thống nhất, thỏa thuận:

Đến ngày 25/02/2025, vợ chồng bà Lê Thị Thùy D1, ông Nguyễn Đình T2 còn nợ Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M tổng số tiền gốc và lãi là 1.438.290.663 đồng. Trong đó: nợ gốc: 954.473.097 đồng; nợ lãi: 483.817.566 đồng.

Trong đó cụ thể như sau:

- Nợ Công ty cổ phần M: Tổng số tiền gốc và lãi là: **1.296.759.585 đồng**. Trong đó: Nợ gốc: 861.323.776 đồng; nợ lãi: 435.435.809 đồng.

- Nợ Ngân hàng TMCP V: Tổng số tiền gốc và lãi là: **141.531.078 đồng**. Trong đó: Nợ gốc: 93.149.321 đồng; nợ lãi: 48.381.757 đồng.

Hai bên thỏa thuận thống nhất chậm nhất là ngày 25/4/2025, vợ chồng bà Lê Thị Thùy D1, ông Nguyễn Đình T2 sẽ có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 25/02/2025 là **1.438.290.663 đồng** (*Một tỷ, bốn trăm ba mươi tám triệu, hai trăm chín mươi nghìn, sáu trăm sáu mươi ba đồng*) cho Ngân hàng TMCP V và Công ty cổ phần M. Cụ thể, trả cho Công ty cổ phần M tổng số tiền gốc và lãi là: **1.296.759.585 đồng**. Trong đó: Nợ gốc: 861.323.776 đồng; nợ lãi: 435.435.809 đồng và trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền gốc và lãi là: **141.531.078 đồng**. Trong đó: Nợ gốc: 93.149.321 đồng; nợ lãi: 48.381.757 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 26/02/2025 cho đến khi trả nợ xong toàn bộ tiền gốc và tiền lãi theo Hợp đồng cho vay số LN2304178942933 ngày 25/04/2023; Hợp đồng cho vay số LN2304178942933 ngày 25/04/2023; Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không tài sản bảo đảm, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 20/5/2020 và 100% hợp đồng thẻ tín dụng 288-P-3469250 ngày 20/5/2020.

Trường hợp đến ngày 25/4/2025 vợ chồng bà Lê Thị Thùy D1, ông Nguyễn Đình T2 không trả được nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ

quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, thuộc thửa số 1427, tờ bản đồ số 01, diện tích 150m^2, bản đồ địa chính tỷ lệ 1/2000, địa chỉ thửa đất: Thôn Đ (nay là TDP Đ), thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 400380, số vào sổ cấp GCN: H00033 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 26/12/2019 cho bà Lê Thị Thùy D1, ông Nguyễn Đình T2, theo Hợp đồng thế chấp số LN2005212421349 ngày 25/5/2020 tại Văn phòng C. Việc đăng ký thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay.

Trường hợp tài sản của bà Lê Thị Thùy D1, ông Nguyễn Đình T2 không đủ để trả nợ, nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác minh, kê biên phát mại tài sản khác của bà Lê Thị Thùy D1, ông Nguyễn Đình T2 để trả nợ cho nguyên đơn.

2.1. Về án phí: Ngân hàng TMCP V; Công ty cổ phần M và bà Lê Thị Thùy D1, ông Nguyễn Đình T2 thống nhất thỏa thuận. Vợ chồng bà D1 và ông T2 chịu toàn bộ án phí DSST cụ thể là 27.574.360đ (*Hai mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi tư nghìn, ba trăm sáu mươi đồng*).

Trả lại cho Công ty cổ phần M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.214.000đ, theo biên lai thu tạm ứng án phí số BLTU/24/0005105, ngày 11/12/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000đ, theo biên lai thu tạm ứng án phí số BLTU/24/0005106, ngày 11/12/2024, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Thủy.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Thủy;
- Các cơ quan hữu quan;

THẨM PHÁN

- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Trọng Sơn